

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số:258 /QĐ-CNTM ngày 12/5/2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại)

Tên ngành, nghề: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Mã ngành, nghề: 6510202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo: 2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Chương trình khung Cao đẳng chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô được thiết kế để đào tạo kỹ thuật viên trình độ Cao đẳng chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Sau khi tốt nghiệp người học có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Chương trình bao gồm những nội dung cơ bản về vẽ kỹ thuật, an toàn và môi trường công nghiệp, vật liệu cơ khí, cơ học, sức bền vật liệu, dung sai lắp ghép và đo lường, kỹ thuật điện tử, nguyên lý chi tiết máy, nguyên lý kết cấu động cơ đốt trong, kỹ thuật chẩn đoán sửa chữa bảo dưỡng ô tô và các môn chuyên môn ngành công nghệ ô tô khác... Người học cũng được trang bị những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, chính trị, pháp luật, quốc phòng-an ninh. Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn Công nghệ ô tô.

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.

- Giải thích được nội dung các công việc trong qui trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô

- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề công nghệ ô tô.

b. Về kỹ năng

Kỹ thuật viên Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng chuyên nghiệp có khả năng:

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo, kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô.

- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng qui trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.

- Làm được các công việc đơn giản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô.

- Có khả năng tiếp thu công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.

- Kèm cặp và hướng dẫn tay nghề cho thợ bậc thấp hơn.

c. Thái độ nghề nghiệp

- Người tốt nghiệp Cao đẳng chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp cao, yêu lao động, yêu ngành yêu nghề, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp.

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù chịu khó và sáng tạo trong công việc. Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào ngành Công nghệ ô tô, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp người học trở thành kỹ thuật viên công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng chuyên nghiệp, có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp, các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, được phân công làm việc ở các vị trí: Cán bộ kỹ thuật tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng của các hãng ô tô; Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.

- Làm việc tại các trạm đăng kiểm ô tô, viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ ô tô...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 30
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 111 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 600 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1965 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 1065 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm : 1455 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Số bài KT
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	
I	Các môn học chung	30	600	318	282	30
MH 01	Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	120	42	72	6
MH 07	Toán cao cấp	5	90	60	30	5
MH 08	Vật lý hoặc Hóa học	3	60	30	30	3
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	59	975	747	183	59
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	26	435	317	118	26

MH 09	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	2	30	26	4	2
MH10	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	30	3
MH11	Cơ học ứng dụng	4	60	55	5	4
MH12	Nguyên lý chi tiết máy	4	60	50	10	4
MH13	Vật liệu cơ khí	3	45	40	5	3
MH14	AutoCAD	3	60	30	30	3
MH15	Kỹ thuật điện và trang bị điện trên thiết bị công nghiệp	2	30	28	2	2
MH16	Dung sai và đo đường	3	60	30	30	3
MH17	Tổ chức quản lý và bảo trì thiết bị công nghiệp.	2	30	28	2	2
II.2	<i>Môn học, mô đun chuyên môn</i>	33	540	430	65	33
MH 18	Nhập môn ngành công nghệ ô tô	4	60	55	5	4
MH 19	Động cơ đốt trong	4	60	50	10	4
MH 20	Ô tô	4	60	50	10	4
MH 21	Hệ thống điện và điện tử ô tô	4	60	55	5	4
MH 22	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	4	60	50	10	4
MH 23	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	4	60	50	10	4
MH24	Điều hoà không khí trên Ô tô	3	45	40	5	3
MH25	Trang bị thủy khí trên Ô tô	3	45	40	5	3
MH26	Công nghệ lắp ráp ô tô	3	45	40	5	3
MH27	Ô tô và môi trường	3	45	40	5	3
III	Thực tập	22	990	0	990	9
MĐ 28	Thực tập cơ bản (6T)	6	270	0	270	3
MĐ 29	Thực tập chuyên ngành (8T)	8	360	0	360	3
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp (8T)	8	360	0	360	3
Tổng cộng		111	2565	1065	1455	98

4. Thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	90 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành	3 giờ